

Phụ lục IV

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2023/GFM/BC

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO  
Thường niên năm 2022**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Genesis
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 22/01/2009, thay đổi lần thứ 10 ngày 28/09/2022; Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/01/2009.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng Việt Nam).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.000.000.000 (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng Việt Nam).
- Địa chỉ: tầng 27, tòa nhà Trung tâm thương mại và dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 01 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243 212 1616
- Số fax: 0243 766 9419
- Website: [www.genesisfund.com.vn](http://www.genesisfund.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có):
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

| Mốc thời gian | Các sự kiện  |
|---------------|--|
| 22/01/2009    | Thành lập Công ty cổ phần Quản lý Quỹ AIC  |
| 17/03/2016    | Tăng vốn điều lệ lên 28.000.000.000 tỷ đồng  |
| 08/10/2018    | Chuyển sở hữu cổ phần công ty cho cổ đông mới  |
| 01/07/2019    | Chuyển sở hữu cổ phần công ty cho cổ đông mới  |
| 18/02/2020    | Đổi tên công ty thành Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Genesis và tăng vốn điều lệ lên 40.000.000.000 tỷ đồng |

|            |   |
|------------|---|
| 20/07/2020 | Bổ sung nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán                   |
| 21/10/2022 | Được cấp phép hoạt động văn phòng đại diện tại TP.Hồ Chí Minh |

- Các sự kiện khác Được cấp phép thành lập và hoạt động Quỹ thành viên với quy mô vốn 50.000.000.000 tỷ đồng.

## 2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- a) Ngành nghề kinh doanh:
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán
  - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
  - Quản lý Danh mục đầu tư chứng khoán
- b) Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội

## 3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- a) Mô hình quản trị : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
- b) Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - Tổng Giám đốc
  - Phó Tổng Giám đốc
  - Kế toán trưởng/Giám đốc
  - Trưởng Bộ phận chuyên môn
- c) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4. *Định hướng phát triển.*

- a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
  - Tiếp tục cung cấp dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp, cạnh tranh, phù hợp với nhu cầu của khách hàng và quy định của Pháp luật; tập trung vào nghiệp vụ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  - Mở rộng quy mô tài sản quản lý, tăng doanh thu và lợi nhuận;
  - Xây dựng mô hình hoạt động tối ưu về chi phí và nguồn lực, tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực; chú trọng mô hình quản lý và kiểm soát hiệu quả.
- b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Gia tăng quy mô quản lý tài sản đạt 1000 tỷ VNĐ, đạt được cân bằng thu chi lũy kế;
  - Trở thành nhà cung cấp sản phẩm quản lý quỹ và tư vấn đầu tư hàng đầu với nhóm khách hàng đến từ các nước nói tiếng Trung;
  - Trở thành một trong những lựa chọn tiềm năng về các sản phẩm quỹ đối với nhóm khách hàng trong nước;
  - Tăng thu nhập cho Người lao động.
- c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
  - Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng tốt, các doanh nghiệp phát triển bền vững, có chiến lược phát triển gắn với bảo vệ môi trường;
  - Tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động chuyên môn của Ngành do UBCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán tổ chức;
  - Tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện của xã hội.

## 5. *Các rủi ro:*

- Rủi ro thị trường: rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi dẫn đến rủi ro về giá và tính thanh khoản, khiến các hoạt động đầu tư của Công ty chịu ảnh hưởng. Ngoài



ra, xu hướng thị trường giảm ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư, kết hợp với các chính sách khác như tăng lãi suất, các sự kiện liên quan tới Trái phiếu, các doanh nghiệp lớn khác vv... khiến hành vi của Nhà đầu tư thay đổi: lựa chọn các sản phẩm tiền gửi thay vì các sản phẩm đầu tư vào thị trường tài chính. Điều này cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến việc huy động vốn hoặc tư vấn sử dụng các sản phẩm của Công ty quản lý quỹ.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Doanh thu từ hoạt động Quản lý quỹ tính đến 31/12/2022: 375.217.751 VND
- Doanh thu từ hoạt động Quản lý danh mục đầu tư tính đến 31/12/2022: 411.548.986 VND
- Doanh thu từ hoạt động Tự doanh tính đến 31/12/2022: 49.383.906 VND
- Lợi nhuận trước thuế: - 9.103.313.404 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế: -9.103.313.414 VNĐ

Tháng 07/2022, Công ty đã được cấp phép thành lập & hoạt động đối với Quỹ đầu tư giá trị GFM1, đáp ứng nhu cầu đầu tư của các Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Quỹ bắt đầu triển khai đầu tư từ đầu tháng 8/2022. Tính đến cuối tháng 12/2022, Quỹ có hiệu suất đầu tư vượt 6,22% so với chỉ số tham chiếu VN-Index.

Đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, Công ty cũng đã đạt được các mức tăng trưởng tích cực, trừ một sản phẩm có hiệu suất thấp hơn so với chỉ số tham chiếu VN-Index:

| Chỉ tiêu         | Sản phẩm HR01 | Sản phẩm HR02 |
|------------------|---------------|---------------|
| Ngày bắt đầu     | 01/07/2020    | 08/07/2020    |
| Rủi ro/Lợi nhuận | Trung/Cao     | Trung/Cao     |
| Hiệu suất đầu tư | (+) 10,58%    | (+) 24,43%    |

Năm 2022, lợi nhuận của Công ty sụt giảm so với cùng kỳ do sự suy giảm doanh thu từ hoạt động đầu tư Tự doanh (là nguồn thu chính của Công ty tại thời điểm hiện tại), do chịu ảnh hưởng từ xu hướng giảm chung của thị trường. Đồng thời, chi phí của Công ty tăng do bắt đầu triển khai đầu tư hạ tầng vào các hệ thống hỗ trợ nghiệp vụ và dịch vụ khách hàng, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông – Marketing. Đây sẽ là những tiền đề quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai hiệu quả các kế hoạch kinh doanh trong năm 2023, cụ thể là xin thành lập Quỹ mở và đẩy mạnh các hoạt động quản lý tài sản khác.

#### b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- So với kế hoạch được ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường về việc triển khai các hoạt động của Công ty trong năm 2021, tình hình triển khai thực tế của Công ty trong năm 2022 như sau:

| STT | Kế hoạch              | Tình hình thực hiện  |
|-----|-----------------------|--|
| 1   | Doanh thu & Lợi nhuận | Giảm so với cùng kỳ do chịu ảnh hưởng từ xu hướng giảm chung của thị trường và tăng chi phí vận hành để đầu tư vào các hoạt động nghiệp vụ khác. |

|   |   |   |
|---|---|---|
| 2 | Thành lập và quản lý Quỹ thành viên & Quỹ mở                | <p>Hoàn thành.</p> <p>28/07/2022, Công ty đã được UBCKNN cấp phép thành lập và hoạt động Quỹ thành viên – Quỹ Đầu tư giá trị GFM1;</p> <p>Đối với việc triển khai thủ tục xin thành lập Quỹ mở, công ty đang trong quá trình hoàn thiện đến 70% hồ sơ thủ tục tính đến thời điểm cuối năm 2022.</p> |
| 3 | Công tác Kiểm soát chi phí vận hành, chi phí quản lý        | <p>Hoàn thành.</p> <p>Công tác kiểm soát chi phí, đặc biệt là chi phí Vận hành, chi phí quản lý được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc lập kế hoạch chi tiết và phân bổ cụ thể tới từng Bộ phận đã đảm bảo được mục tiêu chung của Công ty về Chi phí .</p>   |
| 4 | Tăng vốn Điều lệ lên 50 tỷ đồng                             | <p>Hoàn thành nộp hồ sơ</p> <p>Công ty đã nộp hồ sơ lên UBCK Nhà nước chờ phê duyệt</p>   |
| 5 | Đẩy mạnh và mở rộng các kênh phân phối sản phẩm của Công ty | <p>Hoàn thành</p> <p>Trong năm, công ty đã ký Hợp đồng hợp tác chiến lược với các Đối tác lớn trên thị trường như CTCK Guotai Junan, Công ty Fmarket, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động nghiệp vụ chung giữa các bên (Công ty bảo hiểm Chubb)</p>   |

## 2. Tổ chức và Nhân sự.

- a) *Danh sách Ban điều hành:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết/các CK khác do Công ty phát hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|--|
| 1   | Ông: Bạch Nguyễn Vũ      | 07/12/1977          | Thạc sỹ             | 10/05/2021 (Bổ nhiệm)     | Không  |
| 2   | Bà: Dương Hồng Trang     | 01/07/1990          | Thạc sỹ             | 01/05/2022 (Bổ nhiệm)     | Không  |



|   |                     |            |         |                          |       |
|---|---------------------|------------|---------|--------------------------|-------|
| 3 | Bà: Thiều Mai Hương | 14/06/1981 | Thạc sỹ | 15/04/2022<br>(Bổ nhiệm) | Không |
| 4 | Bà: Nguyễn Thị Ngọc | 10/03/1983 | Cử nhân | 18/07/2022<br>(Bổ nhiệm) | Không |
| 5 | Ông: Đỗ Xuân Hân    | 18/09/1979 | Cử nhân | 15/08/2022<br>(Bổ nhiệm) | Không |

b) Những thay đổi trong Ban Điều hành:

| TT | Họ và tên            | Vị trí cũ                             | Thay đổi  |
|----|----------------------|---------------------------------------|---|
| 1  | Bà: Dương Hồng Trang | Giám đốc Vận hành                     | Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Điều hành kể từ ngày 01/05/2022                                 |
| 2  | Bà: Thiều Mai Hương  | Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nghiệp vụ | Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2022 và Bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Nghiệp vụ kể từ ngày 15/04/2022 |
| 3  | Bà: Nguyễn Thị Hạnh  | TBP. Kiểm soát nội bộ                 | Miễn nhiệm kể từ ngày 18/07/2022  |
| 4  | Bà: Lê Hải Nam       | Kế toán trưởng                        | Miễn nhiệm kể từ ngày 15/08/2022  |
| 5  | Bà Nguyễn Thị Ngọc   | Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ       | Bổ nhiệm kể từ ngày 18/07/2022  |
| 6  | Ông Đỗ Xuân Hân      | Kế toán trưởng                        | Bổ nhiệm kể từ ngày 15/08/2022  |

c) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- + Số lượng cán bộ, nhân viên công ty tính đến 31/12/2022: 20 người
- + Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách liên quan BHXH, Thuế TNCN, các chế độ nghỉ ngơi, chế độ phúc lợi đối với lao động nữ, ngày lễ Tết đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan; chế độ lương thưởng, đãi ngộ phù hợp với từng vị trí chuyên môn cũng như năng lực và thành tích đạt được của nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- a) Các khoản đầu tư lớn: các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn của Công ty được thuyết minh cụ thể tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (đính kèm báo cáo này).
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính.

- a) Tình hình tài chính.

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm |
|----------|----------|----------|-------------|
|----------|----------|----------|-------------|

|                                   |                |                |          |
|-----------------------------------|----------------|----------------|----------|
| Tổng giá trị tài sản              | 33.474.652.165 | 24.654.115.120 | -27%     |
| Doanh thu thuần                   | 1.024.519.748  | 786.766.737    | -23%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.029.411.841  | 9.193.944.111  | -993%    |
| Lợi nhuận khác                    | -3.270.274     | -14.914.604    | 356%     |
| Lợi nhuận trước thuế              | 1.026.141.567  | -9.208.858.715 | -997%    |
| Lợi nhuận sau thuế                | 1.026.141.567  | -9.208.858.715 | -997%    |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | Không có       | Không có       | Không có |

- Các chỉ tiêu khác: Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu                                   | Năm 2021 | Năm 2022 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán         |          |          |         |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn                | 60.68    | 18.943   |         |
| - Hệ số thanh toán nhanh                   | 60.68    | 18.943   |         |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                  |          |          |         |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản                    | 0.0139   | 0.030    |         |
| - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                  | 0.0141   | 0.031    |         |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động          |          |          |         |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân   | 0.03098  | 0.027    |         |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời           |          |          |         |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 1.0015   | -11.571  |         |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 0.0311   | -0.381   |         |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | 0.0307   | -0.369   |         |



|   |        |         |  |
|---|--------|---------|--|
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 1.0048 | -11.552 |  |
|---|--------|---------|--|

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 4.000.000 (Bằng chữ: bốn triệu cổ phần)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: không
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

b) Cơ cấu cổ đông:

| STT | Họ và tên            | Kinh nghiệm chuyên môn | Tỷ lệ góp vốn |
|-----|----------------------|------------------------|---------------|
| 1   | Đỗ Hoàng Quỳnh Trang | Tài chính, kinh doanh  | 86%           |
| 2   | Nguyễn Văn Hòa       | Tài chính              | 4.65%         |
| 3   | Công ty TNHH Lucky   | Tài chính              | 9.35%         |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| Thời điểm  | Giá trị tăng vốn | Hình thức         | Vốn điều lệ sau tăng vốn |
|------------|------------------|-------------------|--------------------------|
| 17/03/2016 | 5.000.000.000    | Chào bán riêng lẻ | 28.000.000.000           |
| 18/02/2020 | 12.000.000.000   | Chào bán riêng lẻ | 40.000.000.000           |

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo phát triển bền vững.

6.1. Chính sách liên quan đến người lao động.

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.
  - Số lượng lao động: 20 người
  - Mức lương trung bình đối với người lao động: 12.609.529 VND (Bằng chữ: mười hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi chín đồng)
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- c) Chế độ phúc lợi đối với lao động nữ theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành.
- d) Đảm bảo các chính sách lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp theo quy định của Luật lao động và nhà nước
- e) Chính sách Bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên ký HĐLĐ chính thức và người thân
- f) Chính sách ngày nghỉ ốm hưởng nguyên lương cho nhân viên ký HĐLĐ chính thức
- g) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề do UBCKNN tổ chức.
- h) Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
  - + Đối với nhân viên nghiệp vụ: 50h
  - + Đối với các cán bộ quản lý từ cấp Bộ phận trở lên: 45h

- + Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- + Chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo nghiệp vụ về quản lý tài sản, tư vấn đầu tư.
- + Các chương trình đào tạo kỹ năng mềm, bao gồm: Chương trình đào tạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình,...
- + Các chương trình đào tạo các chứng chỉ chuyên môn do UBCKNN tổ chức.

#### 6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đặc biệt chú trọng đến việc đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, phát triển bền vững. Trong năm 2022, Công ty đã tham gia ủng hộ các hoạt động đối với cộng đồng địa phương, cụ thể như sau:

- Thực hành sáng kiến thu gom tái chế rác và nuôi heo đất bằng tiền lẻ, thu được 15kg rác các loại và 700.000 VNĐ đóng góp trực tiếp vào đợt từ thiện mùa đông;
- Quyên góp 3.700.000 VNĐ tới tổ chức từ thiện Áo ấm cho em trong đợt từ thiện mùa đông;
- Tham gia giải chạy vì cộng đồng Emerald Run với 82% nhân sự Công ty, tương đương đóng góp 09 cây xanh cho vườn Quốc gia Bạch Mã;
- Quyên góp 10kg quần áo các loại tới tổ chức từ thiện E2k trong đợt từ thiện mùa đông;
- Tặng 50 suất bánh trung thu và 06 suất học bổng tổng trị giá 3.000.000 VNĐ cho các em học sinh có thành tích học tập tốt và hoàn cảnh khó khăn tại 3 điểm trường Mầm non, THCS và THPT xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2022, dưới sự chỉ đạo và theo dõi sát sao của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty, tình hình triển khai các hoạt động của Công ty để hoàn thành các kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại kì họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 cụ thể như sau:

| STT | Kế hoạch  | Tình hình thực hiện   |
|-----|---|---|
| 1   | Thành lập Quỹ thành viên                                    | 28/07/2022, Công ty đã được UBCKNN cấp phép thành lập và hoạt động Quỹ thành viên – Quỹ đầu tư giá trị GFM1;<br>Đối với việc triển khai thủ tục xin thành lập Quỹ mở, công ty đang trong quá trình hoàn thiện đến 70% hồ sơ thủ tục tính đến cuối năm 2022. |
| 2   | Công tác Kiểm soát chi phí vận hành, chi phí quản lý        | Công tác kiểm soát chi phí, đặc biệt là chi phí Vận hành, chi phí quản lý qua việc lập kế hoạch chi tiết và phân bổ cụ thể tới từng Bộ phận đã đảm bảo được mục tiêu chung của Công ty.   |
| 3   | Tăng vốn lên 50 tỷ đồng                                     | Hoàn thành nộp hồ sơ<br>Công ty đã nộp hồ sơ lên UBCKNN chờ phê duyệt   |
| 4   | Đẩy mạnh và mở rộng các kênh phân phối sản phẩm của Công ty | Hoàn thành .<br>Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với các đối tác lớn trên thị trường như CTCK GTJN, Công ty Fmarket,  |



|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | đồng thời tổ chức nhiều hoạt động nghiệp vụ chung giữa các bên (bảo hiểm Chubb) |
|--|--|---|

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Tăng số lượng nghiệp vụ triển khai & quy mô tài sản quản lý: tháng 07 năm 2022, Công ty được cấp phép thành lập Quỹ thành viên GFM1, quy mô tài sản quản lý của công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ;
- Được trao giải thưởng SME 100 do Tạp chí SME Châu Á bình chọn: Trở thành 01 trong 18 doanh nghiệp vừa và nhỏ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất tại Việt Nam trong năm 2022;
- Gia tăng hoạt động kiểm soát, giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả công việc của nhân sự;
- Kiện toàn, hoàn thiện bộ máy nhân sự nội bộ, mô hình tổ chức bộ phận;
- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động, chương trình đào tạo nội bộ nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ nhân sự cho các hoạt động nghiệp vụ theo yêu cầu của UBCK;
- Mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm, ký Hợp đồng hợp tác chiến lược với nhiều đối tác lớn, triển khai nhiều hoạt động nghiệp vụ chung giữa các bên.

Tiếp xúc tài trợ các hoạt động/cuộc thi trong lĩnh vực Tài chính dành cho sinh viên.

## 2. Tình hình tài chính.

### a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

| STT | Tài sản                             | 01/01/2022            | 31/12/2022            |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 25.260.404.425        | 258.673.628           |
| 2   | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 2.172.523.791         | 7.137.325.089         |
| 3   | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 336.804.379           | 6.210.693.714         |
| 4   | Tài sản ngắn hạn khác               | 493.639.673           | 484.632.737           |
| 5   | Các khoản phải thu dài hạn          | 101.605.350           | 194.778.500           |
| 6   | Tài sản cố định                     | 277.880.542           | 205.127.926           |
| 7   | Tài sản dài hạn khác                | 4.831.794.005         | 10.074.300.215        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>33.474.652.165</b> | <b>24.565.531.809</b> |

### b) Tình hình nợ phải trả.

| STT | Chỉ tiêu           | Năm 2021           | Năm 2022           |
|-----|--------------------|--------------------|--------------------|
| I.  | <b>Nợ ngắn hạn</b> | <b>465.778.258</b> | <b>752.716.617</b> |

|            |                                     |                    |                    |
|------------|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 1          | Phải trả người bán ngắn hạn         | 20.684.172         | 9.632.130          |
| 2          | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 0                  | 0                  |
| 3          | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 51.607.933         | 117.720.329        |
| 4          | Phải trả người lao động             | 336.758.064        | 542.224.358        |
| 5          | Chi phí phải trả ngắn hạn           | 0                  | 0                  |
| 6          | Phải trả ngắn hạn khác              | 56.728.089         | 83.139.800         |
| <b>II.</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>0</b>           | <b>0</b>           |
|            | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>465.778.258</b> | <b>752.716.617</b> |

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

- Về cơ cấu điều hành: trong năm 2022, công ty có sự thay đổi đối với các vị trí nhân sự điều hành căn cứ trên nhu cầu hoạt động của Công ty tại từng thời điểm.
- Về quản lý: Ban Giám đốc tiếp tục công tác tăng cường các hoạt động quản lý, giám sát và đánh giá đối với hoạt động của các bộ phận nói chung và đối với các cá nhân quản lý nói riêng thông qua các công tác báo cáo, kiểm tra và đánh giá định kỳ.
- Về nhân sự: Hoàn thành cơ bản công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân sự chuyên môn; công tác đánh giá hiệu suất công việc của nhân sự.
- Về quản lý tài chính: Chỉ tiêu an toàn tài chính vẫn đảm bảo ở mức phù hợp với quy định của UBCKNN và pháp luật có liên quan.
- Về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về về Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ theo yêu cầu của UBCKNN và pháp luật hiện hành, đồng thời đáp ứng được nhu cầu vận hành của công ty khi thành lập Quỹ thành viên.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai.*

- Kế hoạch trong năm 2023: Hoàn thành kế hoạch xin cấp phép hoạt động Quỹ mở và kế hoạch thành lập các sản phẩm quỹ đầu tư khác; đẩy mạnh triển khai, phát triển quy mô sản phẩm Ủy thác quản lý danh mục đầu tư.
- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động mở rộng kênh phân phối tại thị trường nước ngoài & trong nước.
- Kế hoạch ngắn hạn đến 2024: gia tăng ít nhất 50% quy mô tổng tài sản quản lý do Công ty quản lý

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không có*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...):  
Tuân thủ các yêu cầu, quy định về môi trường tại Trụ sở công ty theo yêu cầu của Tòa nhà và chính quyền địa phương.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:



Tuân thủ các quy định về chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật hiện hành.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, công tác an sinh xã hội, hoạt động đóng góp, ủng hộ cho cộng đồng.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần).**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

a) Hoạt động kinh doanh:

- Hoạt động quản lý quỹ bước đầu đi vào hoạt động với sản phẩm Quỹ thành viên GFM1;
- Hoạt động Quản lý danh mục đầu tư & hoạt động Tư vấn đầu tư được đẩy mạnh triển khai trong năm 2022 và đã đạt được những thành tích đáng kể: tiếp cận được nhiều khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu, triển khai ký kết nhiều Thỏa thuận Hợp tác chiến lược với các khách hàng lớn như CTCK GTJA, New Century, triển khai nhiều hoạt động chuyên môn chung với các đối tác như Bảo hiểm Chubb;
- Hoạt động Tự doanh: doanh thu giảm so với cùng kỳ do chịu ảnh hưởng chung từ xu hướng giảm của thị trường. Tuy nhiên, hiệu suất đầu tư vượt 24.43% so với chỉ số tham chiếu VN-Index.

b) Hoạt động quản lý, điều hành:

Để nâng cao chất lượng và đảm bảo tính chặt chẽ, minh bạch trong công việc, bám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, Công ty đã tiếp tục công tác rà soát, kiện toàn các quy trình nghiệp vụ, ban hành thêm các quy trình/quy định nội bộ trong năm 2022.

c) Hoạt động tuyển dụng – đào tạo & chính sách người lao động:

- Về công tác tuyển dụng: trong năm 2022, Công ty đã đẩy mạnh công tác tuyển dụng nhân sự cho các Bộ phận trong Công ty nhằm kiện toàn đội ngũ nhân sự của Công ty, đáp ứng các mục tiêu hoạt động của cổ đông
- Về công tác đào tạo: trong năm 2022, Công ty tiếp tục cử và hỗ trợ nhân sự từ các Bộ phận nghiệp vụ tham gia các lớp đào tạo chuyên môn do UBCKNN tổ chức cũng như các lớp đào tạo kỹ năng chuyên môn khác cho các Bộ phận có liên quan nhằm phát triển kỹ năng và kiến thức chuyên môn của nhân sự.
- Về chính sách người lao động: Công ty đã tuân thủ cũng như đáp ứng đầy đủ các chính sách quy định đối với người lao động theo quy định của Pháp luật hiện hành.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức chỉ đạo và triển khai các hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế của năm 2022; bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2023 đúng với tình hình thực tế;
- Tăng cường hoạt động giám sát của HDQT đối với các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc;
- Tích cực tham gia hỗ trợ Ban điều hành để góp phần phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Thành lập các Bộ phận chuyên trách hỗ trợ hoạt động của HĐQT như: Kiểm toán nội bộ, để tăng cường chức năng quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo hiệu quả đối với các hoạt động kế toán, tài chính và đầu tư của Công ty;
- Mở rộng và phát triển các kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ của Công ty để tăng cường khả năng tiếp cận tới khách hàng mục tiêu trong nước và nước ngoài, thông qua: các tổ chức chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu phân phối theo quy định, các đại lý phân phối có hệ thống phân phối tiên tiến; đồng thời, nâng cao năng lực tư vấn và phân phối của chính Công ty quản lý quỹ.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| STT | Họ và tên       | Chức vụ                 | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các CK khác do Công ty phát hành | Chức danh TV HĐQT, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác |
|-----|-----------------|-------------------------|--|---|
| 1   | Vũ Quang Vịnh   | CT HĐQT                 | Không  | Không   |
| 2   | Nguyễn Hải Long | TV HĐQT không điều hành | Không  | Không   |
| 3   | Đoàn Minh Đức   | TV HĐQT độc lập         | Không  | Không   |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

| STT | Ngày họp   | Nội dung  | Số thành viên dự họp | Kết quả        |
|-----|------------|---|----------------------|----------------|
| 1   | 15/03/2022 | Tổng kết các công việc đến Quý I/2022 & Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2022.                     | 3/3                  | Thông qua 100% |
| 2   | 29/04/2022 | Triển khai góp vốn vào Quỹ thành viên & sửa đổi các Quy chế nội bộ.                           | 3/3                  | Thông qua 100% |
| 3   | 21/05/2022 | Triển khai góp vốn vào Quỹ thành viên & và cử đại diện góp vốn tại Quỹ (Ông: Bạch Nguyễn Vũ). | 3/3                  | Thông qua 100% |
| 4   | 29/06/2022 | Thành lập Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh.  | 3/3                  | Thông qua 100% |



|   |            |   |     |                |
|---|------------|---|-----|----------------|
| 5 | 29/09/2022 | Báo cáo tổng kết các hoạt động của Công ty trong Quý III năm 2022;<br>Kế hoạch công việc cho Quý IV năm 2022 và Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022. | 3/3 | Thông qua 100% |
| 6 | 18/11/2022 | Triển khai phương án phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của công ty.  | 3/3 | Thông qua 100% |
| 7 | 29/12/2022 | Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của công ty.   | 3/3 | Thông qua 100% |

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Trong các kỳ họp HĐQT năm 2022 do HĐQT Công ty triệu tập và tổ chức, Ông Đoàn Minh Đức - TV HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, đồng thời đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính xây dựng đối với các hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty.
- c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có.
2. *Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán.*
- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán: Công ty hiện không có Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán.
- b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán: Công ty hiện không có Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán.
3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.*
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và tên       | Chức vụ                 | Lương bình quân | Thưởng bình quân | Thù lao bình quân | Lợi ích khác (nếu có) |
|-----|-----------------|-------------------------|-----------------|------------------|-------------------|-----------------------|
| 1   | Vũ Quang Vịnh   | Chủ tịch HĐQT           | 0               | 0                | 13.500.000        | Không                 |
| 2   | Nguyễn Hải Long | TV HĐQT không điều hành | 0               | 0                | 7.000.000         | Không                 |
| 3   | Đoàn Minh Đức   | TV HĐQT độc lập         | 0               | 0                | 0                 | Không                 |
| 4   | Bạch Nguyễn Vũ  | Tổng Giám đốc           | 50.000.000      | 0                | 0                 | Không                 |

|   |                  |                             |            |   |   |       |
|---|------------------|-----------------------------|------------|---|---|-------|
| 5 | Dương Hồng Trang | Phó Tổng Giám đốc Điều hành | 40.000.000 | 0 | 0 | Không |
| 6 | Thiều Mai Hương  | Giám đốc Khối Nghiệp vụ     | 40.000.000 | 0 | 0 | Không |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành

| STT | Họ tên              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp                    | Địa chỉ liên hệ                  | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------|--|------------------------------|---|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Ông: Bạch Nguyễn Vũ | 122489 mở tại CTCP Chứng khoán SSI       | Tổng Giám đốc                | 001077021835 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 01/05/2021 | Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội | 7.900 cổ phiếu HPX         | Không có                      |         |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Trong năm 2022, HĐQT công ty đã triển khai đầy đủ các hoạt động kinh doanh của Công ty theo nội dung được ĐHĐCĐ thông qua cũng như các công tác về quản lý, giám sát hoạt động của Ban lãnh đạo Công ty; tổ chức đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo quy định Pháp luật.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: tham khảo Phụ lục đính kèm Báo cáo này.

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ.



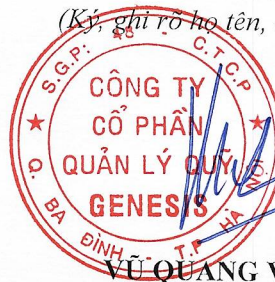
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KSNB.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY**

**CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**VŨ QUANG VỊNH**

1/1

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ  
QUỸ  
GENESIS

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS  
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Tầng 27,  
tòa nhà Trung tâm thương mại và  
Dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh  
Plaza), số 1 Phạm Huy Thông,  
phường Ngọc Khánh, quận Ba  
Bình, C=CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ GENESIS,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ  
QUỸ GENESIS  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS  
T.0103401797  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location here  
Date: 2023.03.31 22:39:39+0700  
Foxit Reader Version: 10.1.1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**



## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| 1. Mục lục  | 1       |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc  | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập  | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022   | 6 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022       | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022                 | 12 – 13 |
| 7. Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 14      |
| 8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022          | 15 - 28 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK - GP cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được 03 lần điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 23/GPĐC-UBCK ngày 28/04/2021 do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.35370909
- Fax : 024.32222754

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép thành lập là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư;
- Tư vấn đầu tư.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm             |
|----------------------|------------|--------------------------------------|
| Ông Vũ Quang Vịnh    | Chủ tịch   | Bổ nhiệm 01 tháng 02 năm 2021        |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2021 |
| Ông Đoàn Minh Đức    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2019   |
| Ông Nguyễn Hải Long  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2019   |

**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bạch Nguyễn Vũ (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2021).

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch HĐQT.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.



**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tài chính
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

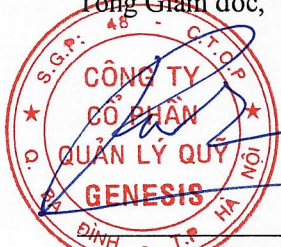
Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc,



**Bạch Nguyễn Vũ**

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Số: 2.0400/23/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp đối với các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý về các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28 tháng 03 năm 2022

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc**  
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1*

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1*

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**Số cuối năm**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ  
Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông,  
phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B01-CTQ**

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày  
5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>14.091.325.168</b> | <b>32.872.795.268</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>258.673.628</b>    | <b>25.260.404.425</b> |
| 1. Tiền   | 111        |             | 258.673.628           | 7.080.803.800         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | 18.179.600.625        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>7.137.325.089</b>  | <b>6.781.946.791</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        | V.2a        | 8.897.076.748         | 2.230.343.237         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        | V.2a        | (1.759.751.659)       | (57.819.446)          |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2b        | -                     | 4.609.423.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>6.210.693.714</b>  | <b>336.804.379</b>    |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 1.440.073.051         | 283.397.030           |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 40.162.773            | 33.000.000            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 4.730.457.890         | 20.407.349            |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                     | -                     |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>484.632.737</b>    | <b>493.639.673</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.6a        | 91.829.533            | 81.652.254            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 392.803.204           | 411.987.419           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |



**Số cuối năm**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ  
Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông,  
phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)****Mẫu số B01-CTQ**

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày  
5/9/2011 của Bộ Tài chính)

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>10.474.206.641</b> | <b>601.856.897</b>    |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>194.778.500</b>    | <b>101.605.350</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 194.778.500           | 101.605.350           |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>205.127.926</b>    | <b>277.880.542</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 136.783.851           | 180.536.463           |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 235.420.498           | 235.420.498           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (98.636.647)          | (54.884.035)          |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.8         | 68.344.075            | 97.344.079            |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 145.000.000           | 145.000.000           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (76.655.925)          | (47.655.921)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>10.000.000.000</b> | -                     |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2c        | 10.000.000.000        | -                     |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                     | -                     |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>74.300.215</b>     | <b>222.371.005</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.6b        | 74.300.215            | 222.371.005           |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>24.565.531.809</b> | <b>33.474.652.165</b> |

**Số cuối năm**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ  
Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông,  
phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B01-CTQ**

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày  
5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|---|------------|-------------|--------------------|--------------------|
|   |            |             |                    |                    |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>765.516.617</b> | <b>465.778.258</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>765.516.617</b> | <b>465.778.258</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        |             | 9.632.130          | -                  |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                  | 20.684.172         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.9         | 130.520.329        | 51.607.933         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 542.224.358        | 336.758.064        |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | -                  | -                  |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                  | -                  |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                  | -                  |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                  | -                  |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.10        | 83.139.800         | 56.728.089         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                  | -                  |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                  | -                  |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                  | -                  |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                  | -                  |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                  | -                  |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                  | -                  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                  | -                  |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                  | -                  |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                  | -                  |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                  | -                  |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                  | -                  |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                  | -                  |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                  | -                  |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                  | -                  |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                  | -                  |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                  | -                  |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                  | -                  |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                  | -                  |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                  | -                  |



**Số cuối năm**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ  
Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông,  
phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

**Mẫu số B01-CTQ**  
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày  
5/9/2011 của Bộ Tài chính)

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>23.800.015.192</b> | <b>33.008.873.907</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>23.800.015.192</b> | <b>33.008.873.907</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.11        | 40.000.000.000        | 40.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 40.000.000.000        | 40.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                     | -                     |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | -                     | -                     |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                     | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        |             | (16.199.984.808)      | (6.991.126.093)       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (6.991.126.093)       | (6.991.126.093)       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | (9.208.858.715)       | -                     |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>24.565.531.809</b> | <b>33.474.652.165</b> |

Người lập



Đỗ Xuân Hân

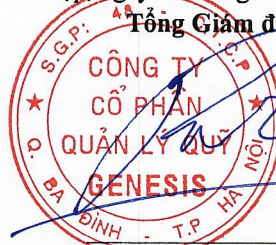
Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Bạch Nguyễn Vũ



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Tài sản cố định thuê ngoài                      | 001   |             | -              | -              |
| 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ            | 002   |             | -              | -              |
| 3. Tài sản nhận ký cược                            | 003   |             | -              | -              |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                             | 004   |             | -              | -              |
| 5. Ngoại tệ các loại                               | 005   |             | -              | -              |
| 6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ      | 006   | V.12        | 2.058.190.000  | 480.760.000    |
| Trong đó   |       |             |                |                |
| 6.1. Chứng khoán giao dịch                         | 007   |             | 2.058.190.000  | 480.760.000    |
| 6.2. Chứng khoán chờ giao dịch                     | 008   |             | -              | -              |
| 7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ | 020   |             | -              | -              |
| 8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác                 | 030   | V.13        | 4.355.852.891  | 6.997.811.209  |
| 8.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước    | 031   |             | 4.009.307.022  | 73.884.183     |
| 8.2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài    | 032   |             | 346.545.869    | 6.923.927.008  |
| 9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác          | 040   | V.14        | 11.401.220.207 | 12.764.042.049 |
| 9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước                 | 041   |             | 1.410.677.084  | 2.463.735.000  |
| 9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài                 | 042   |             | 9.990.543.123  | 10.300.307.046 |
| 10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác      | 050   | V.15        | 2.854.083.007  | 629.193.003    |
| 11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác      | 051   | V.16        | 300.638.666    | 1.014.404.922  |

Người lập



Đỗ Xuân Hân

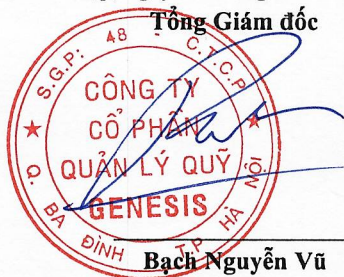
Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Bạch Nguyễn Vũ



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước            |
|--|-------|-------------|------------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 786.766.737            | 1.024.519.748        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                      | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 786.766.737            | 1.024.519.748        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | -                      | 110.125.804          |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 786.766.737            | 914.393.944          |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 315.000.486            | 6.590.825.945        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 2.920.239.894          | 683.841.187          |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -                      | -                    |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -                      | -                    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 7.375.471.440          | 5.791.966.861        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | (9.193.944.111)        | 1.029.411.841        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | 1.472.525              | 2                    |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.6        | 16.387.129             | 3.270.276            |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (14.914.604)           | (3.270.274)          |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | (9.208.858.715)        | 1.026.141.567        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.9         | -                      | -                    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                      | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>(9.208.858.715)</u> | <u>1.026.141.567</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | <u>(2.302)</u>         | <u>257</u>           |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.7        | <u>(2.302)</u>         | <u>257</u>           |

Người lập



Đỗ Xuân Hân

Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Bạch Nguyễn Vũ



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc  
Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc  
Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày  
5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước              |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                         |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | (9.208.858.715)         | 1.026.141.567          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                         |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.7,8       | 72.752.616              | 65.154.072             |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.2a        | 1.701.932.213           | 57.819.446             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                       | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | -                       | -                      |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | -                       | -                      |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                       | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | (7.434.173.886)         | 1.149.115.085          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (5.947.878.270)         | 617.957.030            |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | -                       | -                      |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 299.738.359             | (218.391.645)          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | V.6a,b      | 137.893.511             | 267.893.545            |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        | V.2a        | (6.666.733.511)         | 19.360.443.579         |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | -                       | -                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | -                       | -                      |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                       | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                       | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>(19.611.153.797)</b> | <b>21.177.017.594</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                       | (75.985.498)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                       | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                       | (4.609.423.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        | V.2b        | 4.609.423.000           | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        | V.2c        | (10.000.000.000)        | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                       | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | -                       | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(5.390.577.000)</b>  | <b>(4.685.408.498)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)****Mẫu số B01-CTQ**

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay          | Năm trước      |
|--|-------|-------------|------------------|----------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính  |       |             |                  |                |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    |             | -                | -              |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                | -              |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33    |             | -                | -              |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    |             | -                | -              |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35    |             | -                | -              |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    |             | -                | -              |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40    |             | -                | -              |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm  | 50    |             | (25.001.730.797) | 16.491.609.096 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60    | V.1         | 25.260.404.425   | 8.768.795.329  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -                | -              |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm  | 70    | V.1         | 258.673.628      | 25.260.404.425 |

Người lập



Đỗ Xuân Hân

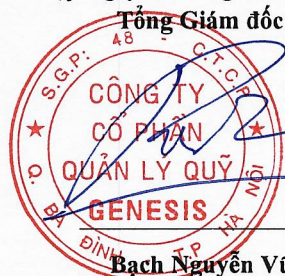
Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Bach Nguyễn Vũ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy  
Thống, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                              | Số dư đầu năm   |                 | Số tăng/ giảm |               |               |      | Số dư cuối năm   |                 |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|------|------------------|-----------------|
|                                       | Năm nay         | Năm trước       | Năm nay       |               | Năm trước     |      | Năm nay          | Năm trước       |
|                                       |                 |                 | Tăng          | Giảm          | Tăng          | Giảm |                  |                 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu          | 40.000.000.000  | 40.000.000.000  | -             | -             | -             | -    | 40.000.000.000   | 40.000.000.000  |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần               | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu            | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 4. Cổ phiếu quỹ                       | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản    | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái         | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển              | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính             | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu      | -               | -               | -             | -             | -             | -    | -                | -               |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (6.991.126.093) | (8.017.267.660) | -             | 9.208.858.715 | 1.026.141.567 | -    | (16.199.984.808) | (6.991.126.093) |
| Cộng                                  | 33.008.873.907  | 31.982.732.340  | -             | 9.208.858.715 | 1.026.141.567 | -    | 23.800.015.192   | 33.008.873.907  |

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hân

Kê toán trưởng

Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023





# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng .

#### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 16 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc năm tài chính là 7 nhân viên (số đầu năm là 6 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### *Tiền gửi của người ủy thác đầu tư*

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoại bảng Cân đối kế toán.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư*

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

5

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. **Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 10. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 11. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|---------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt  | 148.970.992               | 2.086.077.471                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn   | 109.702.636               | 4.994.726.329                |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | -                         | 18.179.600.625               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>258.673.628</u></b> | <b><u>25.260.404.425</u></b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

|  | Số cuối năm          |                      |                        | Số đầu năm           |                      |                     |
|--|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
|  | Giá gốc              | Giá trị hợp lý       | Dự phòng               | Giá gốc              | Giá trị hợp lý       | Dự phòng            |
| <b>Cổ phiếu</b>                                      | <b>8.897.076.746</b> | <b>7.230.070.400</b> | <b>(1.759.751.657)</b> | <b>2.230.343.237</b> | <b>2.255.148.200</b> | <b>(57.819.446)</b> |
| Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh                         | 1.096.623.216        | 939.867.500          | (156.755.716)          | 211.160.000          | 207.300.000          | (3.860.000)         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu                  | 700.968.766          | 591.081.000          | (109.887.766)          | 237.210.469          | 245.364.000          | -                   |
| Công ty Cổ phần FPT                                  | 1.381.275.724        | 1.195.795.000        | (185.480.724)          | 317.934.446          | 304.575.000          | (13.359.446)        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                | 802.801.005          | 584.717.400          | (218.083.605)          | 251.066.291          | 251.285.500          | -                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động              | 1.428.500.000        | 1.008.150.000        | (420.350.000)          | 205.650.000          | 203.850.000          | (1.800.000)         |
| Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận            | 1.147.878.119        | 1.240.620.000        | -                      | -                    | -                    | -                   |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                    | 944.118.834          | 560.945.000          | (383.173.834)          | 222.770.000          | 215.000.000          | (7.770.000)         |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng                  | 280.529.964          | 223.750.000          | (56.779.964)           | 219.900.000          | 211.220.000          | (8.680.000)         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam        | 686.921.970          | 463.980.000          | (222.941.970)          | 197.377.433          | 222.499.200          | -                   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong              | 427.087.578          | 420.789.500          | (6.298.078)            | 2.504.598            | 3.694.500            | -                   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam       | 371.570              | 375.000              | -                      | -                    | -                    | -                   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam | -                    | -                    | -                      | 214.920.000          | 262.860.000          | -                   |
| Công ty Cổ phần Transimex                            | -                    | -                    | -                      | 149.850.000          | 127.500.000          | (22.350.000)        |
| <b>Cộng</b>  | <b>8.897.076.748</b> | <b>7.230.070.400</b> | <b>(1.759.751.659)</b> | <b>2.230.343.237</b> | <b>2.255.148.200</b> | <b>(57.819.446)</b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

|                            | Năm nay              | Năm trước         |
|----------------------------|----------------------|-------------------|
| Số đầu năm                 | 57.819.446           | -                 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.701.932.213        | 57.819.446        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>1.759.751.659</b> | <b>57.819.446</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Liễu Giai với lãi suất 4,85%/năm.

**2c. Đầu tư ngắn hạn khác**

Là khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Giá trị GMF1.

**3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

|   | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|---|----------------------|--------------------|
| Ngân hàng BIDV Hà Thành                           | 1.136.015.000        | -                  |
| Các khách hàng khác - phí quản lý danh mục đầu tư | 304.058.051          | 283.397.030        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>1.440.073.051</b> | <b>283.397.030</b> |

**4. Trả trước cho người bán**

|  | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|--|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH The Executive Centre Việt Nam | 39.920.650        | -                 |
| Các nhà cung cấp khác                      | 242.123           | 33.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>40.162.773</b> | <b>33.000.000</b> |

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm        |
|--|----------------------|-------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                    | <b>4.724.000.000</b> | <b>-</b>          |
| Bà Dương Hồng Trang - Giám đốc vận hành –<br>Tạm ứng | 4.724.000.000        | -                 |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>          | <b>6.457.890</b>     | <b>20.407.349</b> |
| Ký quỹ, ký cược                                      | 200.000              | 200.000           |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu                        | 2.095.890            | 20.207.349        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                     | 4.162.000            | -                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.730.457.890</b> | <b>20.407.349</b> |

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng.

**6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                 | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ        | 10.675.500        | 4.098.499         |
| Chi phí thuê văn phòng          | 31.194.625        | 33.868.450        |
| Chi phí sửa chữa                | -                 | 23.013.327        |
| Chi phí bảo hiểm                | 29.679.650        | 20.671.978        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 20.279.758        | -                 |
| <b>Cộng</b>                     | <b>91.829.533</b> | <b>81.652.254</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b>  |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ       | 42.564.000         | 50.601.796         |
| Chi phí sửa chữa               | -                  | 166.773.259        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 31.736.215         | 4.995.950          |
| <b>Cộng</b>                    | <b>74.300.215</b>  | <b>222.371.005</b> |

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản là máy móc và thiết bị.

|                    | <b>Nguyên giá</b>  | <b>Giá trị hao mòn</b> | <b>Giá trị còn lại</b> |
|--------------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm         | 235.420.498        | 54.884.035             | 180.536.463            |
| Khấu hao trong năm | -                  | 43.752.612             | (43.752.612)           |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>235.420.498</b> | <b>98.636.647</b>      | <b>136.783.851</b>     |

**8. Tài sản cố định vô hình**

|                    | <b>Chương trình phần mềm máy tính</b> | <b>Tài sản cố định vô hình khác</b> | <b>Cộng</b>        |
|--------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                                       |                                     |                    |
| Số đầu năm         | 90.000.000                            | 55.000.000                          | 145.000.000        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>90.000.000</b>                     | <b>55.000.000</b>                   | <b>145.000.000</b> |

*Trong đó:*

|                                       |   |   |   |
|---------------------------------------|---|---|---|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
|---------------------------------------|---|---|---|

**Giá trị hao mòn**

|                    |                   |                   |                   |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 29.322.581        | 18.333.340        | 47.655.921        |
| Khấu hao trong năm | 18.000.000        | 11.000.004        | 29.000.004        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>47.322.581</b> | <b>29.333.344</b> | <b>76.655.925</b> |

**Giá trị còn lại**

|                    |                   |                   |                   |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 60.677.419        | 36.666.660        | 97.344.079        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>42.677.419</b> | <b>25.666.656</b> | <b>68.344.075</b> |

*Trong đó:*

|                        |   |   |   |
|------------------------|---|---|---|
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý      | - | - | - |

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                       | <b>Số đầu năm</b> | <b>Số phát sinh trong năm</b> |                       | <b>Số cuối năm</b> |
|-----------------------|-------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------|
|                       | <b>Phải nộp</b>   | <b>Số phải nộp</b>            | <b>Số đã thực nộp</b> | <b>Phải nộp</b>    |
| Thuế thu nhập cá nhân | 51.607.933        | 386.069.280                   | (307.656.884)         | 130.020.329        |
| Thuế môn bài          | -                 | 3.500.000                     | (3.000.000)           | 500.000            |
| <b>Cộng</b>           | <b>51.607.933</b> | <b>389.569.280</b>            | <b>(310.656.884)</b>  | <b>130.520.329</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|   | <b>Năm nay</b>  | <b>Năm trước</b> |
|---|-----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | (9.208.858.715) | 1.026.141.567    |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp |                 |                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng   | 16.387.129      | 3.270.276        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm   | -               | -                |
| Thu nhập chịu thuế  | (9.192.471.586) | 1.029.411.843    |
| Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)   | (53.105.000)    | (26.415.000)     |
| Lỗi các năm trước được chuyển   | -               | (1.002.996.843)  |
| Thu nhập tính thuế  | (9.245.576.586) | -                |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp  | 20%             | 20%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>  | <b>-</b>        | <b>-</b>         |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### **10. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|--|--------------------|-------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>          | <b>20.500.000</b>  | <b>20.500.000</b> |
| Vũ Quang Vịnh                              | 13.500.000         | 13.500.000        |
| Nguyễn Hải Long                            | 7.000.000          | 7.000.000         |
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b> | <b>62.639.800</b>  | <b>36.228.089</b> |
| Kinh phí công đoàn                         | 55.374.260         | 33.014.200        |
| Bảo hiểm xã hội                            | 256.790            | -                 |
| Bảo hiểm y tế                              | 15.750             | -                 |
| Phải trả ngắn hạn khác                     | 6.993.000          | 3.213.889         |
| <b>Cộng</b>                                | <b>83.139.800</b>  | <b>56.728.089</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**11. Vốn chủ sở hữu****11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                            | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                  |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước        | 40.000.000.000               | (8.017.267.660)                      | 31.982.732.340        |
| Lợi nhuận trong năm trước  | -                            | 1.026.141.567                        | 1.026.141.567         |
| <b>Số dư cuối kỳ trước</b> | <b>40.000.000.000</b>        | <b>(6.991.126.093)</b>               | <b>33.008.873.907</b> |
| Số dư đầu năm nay          | 40.000.000.000               | (6.991.126.093)                      | 33.008.873.907        |
| Lợi nhuận trong năm        | -                            | (9.208.858.715)                      | (9.208.858.715)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>  | <b>40.000.000.000</b>        | <b>(16.199.984.808)</b>              | <b>23.800.015.192</b> |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                        | Theo Giấy phép đầu tư |             | Vốn điều lệ<br>đã góp<br>(VND) |
|------------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------|
|                        | VND                   | Tỷ lệ (%)   |                                |
| Đỗ Hoàng Quỳnh Trang   | 34.400.000.000        | 86%         | 32.400.000.000                 |
| Hoàng Thị Phương Nhung | 1.876.000.000         | 4,69%       | 1.876.000.000                  |
| Nguyễn Văn Hòa         | 3.724.000.000         | 9,31%       | 3.724.000.000                  |
| <b>Cộng</b>            | <b>40.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>40.000.000.000</b>          |

**11b. Cổ phiếu**

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.000.000   | 2.800.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 4.000.000   | 2.800.000  |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 4.000.000   | 2.800.000  |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**12. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ**

|                       | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|-----------------------|----------------------|--------------------|
| Chứng khoán giao dịch |                      |                    |
| Cổ phiếu niêm yết     | 2.058.190.000        | 480.760.000        |
| <b>Cộng</b>           | <b>2.058.190.000</b> | <b>480.760.000</b> |

**13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

|                    | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 6.997.811.191        | 2.800.985.195        |
| Tăng trong năm     | 114.542.617.474      | 82.910.643.680       |
| Giảm trong năm     | (117.184.575.774)    | (78.713.817.666)     |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>4.355.852.891</b> | <b>6.997.811.209</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

|   | Số cuối năm    |                       | Số đầu năm     |                       |
|---|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
|   | Số lượng       | Giá gốc               | Số lượng       | Giá gốc               |
| <b>Cổ phiếu niêm yết</b>                          |                |                       |                |                       |
| Quỹ ETF VFMVN Diamond                             | 196.300        | 4.575.079.238         | -              | -                     |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam     | 4.335          | 138.681.710           | 28.860         | 1.213.039.702         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam | -              | -                     | 31.988         | 1.063.142.199         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong           | 3.855          | 84.315.680            | 31.070         | 1.053.416.749         |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội             | 4.740          | 119.043.028           | 24.825         | 756.546.407           |
| Cổ phiếu khác                                     | 256.840        | 6.484.100.551         | 331.083        | 8.677.896.992         |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>466.070</b> | <b>11.401.220.207</b> | <b>447.826</b> | <b>12.764.042.049</b> |

**15. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

|                                      | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Phải thu tiền cổ phiếu đã bán        | 2.815.773.000        | 589.285.000        |
| Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng      | 37.600.007           | 1.972.603          |
| Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia | 710.000              | 37.935.400         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>2.854.083.007</b> | <b>629.193.003</b> |

**16. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|--|--------------------|----------------------|
| Phải trả tiền mua chứng khoán  | 153.795.000        | 681.070.000          |
| Phải trả thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập đầu tư vốn | 20.867.602         | 32.315.658           |
| Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư                                   | 90.224.199         | 118.771.600          |
| Phải trả phí thưởng  | -                  | 164.625.429          |
| Phải trả khác  | 35.751.865         | 17.622.235           |
| <b>Cộng</b>  | <b>300.638.666</b> | <b>1.014.404.922</b> |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ**

Là doanh thu cung cấp dịch vụ phí quản lý tài khoản đầu tư.

**2. Giá vốn hoạt động nghiệp vụ**

Là giá vốn cung cấp dịch vụ phí quản lý tài khoản đầu tư.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|  | Năm nay            | Năm trước            |
|--|--------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng                     | 212.511.580        | 766.193.043          |
| Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu | 49.383.906         | 5.798.217.902        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                | 53.105.000         | 26.415.000           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>315.000.486</b> | <b>6.590.825.945</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

|   | Năm nay              | Năm trước          |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí bán các loại chứng khoán          | 1.177.515.395        | 607.695.927        |
| Dự phòng giảm giá CKKD và tổn thất đầu tư | 1.701.932.213        | -                  |
| Phí ngân hàng                             | 731.576              | -                  |
| Chi phí môi giới                          | 40.060.710           | 76.145.260         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>2.920.239.894</b> | <b>683.841.187</b> |

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                           | Năm nay              | Năm trước            |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.264.001.148        | 3.116.526.838        |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 3.192.110            | 6.490.512            |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 109.412.171          | 97.747.037           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 72.752.616           | 65.154.072           |
| Thuế, phí và lệ phí       | 43.323.333           | 53.728.220           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.384.369.700        | 1.558.680.330        |
| Chi phí bằng tiền khác    | 1.498.420.362        | 893.639.852          |
| <b>Cộng</b>               | <b>7.375.471.440</b> | <b>5.791.966.861</b> |

#### 6. Chi phí khác

Là các chi phí tiếp khách, xúc tiến triển khai hợp đồng không có hóa đơn.

#### 7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | Năm nay         | Năm trước     |
|---|-----------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | (9.208.858.715) | 1.026.141.567 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                     | (9.208.858.715) | 1.026.141.567 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 4.000.000       | 4.000.000     |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>(2.302)</b>  | <b>257</b>    |

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                               | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân công             | 112.604.281          | 104.237.549          |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 4.264.001.148        | 3.116.526.838        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ         | 72.752.616           | 65.154.072           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 1.384.369.700        | 1.558.680.330        |
| Chi phí bằng tiền khác        | 1.541.743.695        | 947.368.072          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>7.375.471.440</b> | <b>5.791.966.861</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|  | <u>Tiền lương</u>  | <u>Thù lao</u>     | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|--------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>                                     |                    |                    |                      |
| Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị     | -                  | 84.000.000         | 84.000.000           |
| Ông Nguyễn Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị | -                  | 162.000.000        | 162.000.000          |
| Ông Bạch Nguyễn Vũ – Tổng Giám đốc                 | 129.258.837        | -                  | 129.258.837          |
| <b>Cộng</b>  | <b>129.258.837</b> | <b>246.000.000</b> | <b>375.258.837</b>   |

**Năm trước**

|  |                    |                    |                    |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|
| Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị   | -                  | 148.500.000        | 148.500.000        |
| Ông Nguyễn Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị   | -                  | 84.000.000         | 84.000.000         |
| Ông Nguyễn Quốc Việt – Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 01 năm 2021)   | 58.369.130         | 13.500.000         | 71.869.130         |
| Ông Bạch Nguyễn Vũ – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 09 tháng 5 năm 2021) và Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 5 năm 2021) | 80.713.175         | -                  | 80.713.175         |
| <b>Cộng</b>  | <b>139.082.305</b> | <b>246.000.000</b> | <b>385.082.305</b> |

## 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hân

Kế toán trưởng

Đỗ Xuân Hân

Tổng Giám đốc



Bạch Nguyễn Vũ